

Mẫu số 2.4. Phiếu C - Tổng hợp thông tin chung về hộ gia đình

I. THÔNG TIN THÀNH VIÊN CỦA HỘ GIA ĐÌNH

T	H	Qu	Ngà	Số	Dân	Gi	Chi	Cân	Tin	Cá	Trì	Trì	Bả	Sử	Đan	Việc	Lo	Việ	Chế	Bị
T	o	an	y,	thẻ	tộc	ới	ều	n	h	p	nh	nh	o	dụng	g	làm	ại	c	độ	bện
tên	hệ	hệ	thá	căn	(th	tín	cao	nặng	trạ	hộ	độ	độ	hi	inter	hưởng	1	việ	làm	đan	h
chủ	vớ	chủ	ng,	/m	o	h	(cm	(kg	ng	c	văn	đào	m	net	trợ	chuy	c	côn	g	hiể
hộ	nh	hộ	sinh	địn	mã	h	)	)	đi		hóa	tạo	y	và	cấp	ển	là	g	hưở	m
				h	Cục		chỉ	chỉ	học				tế	các	xã	2, 3,	m	ăn	ng	ng
				nh	Thố		hỏi	hỏi						dịch	hầu	4, 5,	lư			èo
				cá	ng		ng	ng						vụ	g	6	ơ			
				nh	kê)		dướ	dướ						số	thán	chuy	bản			
				ân			i 16	i 10						ơ	g	ển				
							tuổi	tuổi						bản		cột				
																20)				
																hỏi thành viên từ 15 tuổi trở lên				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

Điền thông tin theo mã như sau:

Cột 3: Chủ hộ ghi mã 1; Vợ/chồng chủ hộ ghi mã 2; Con ghi mã 3; Bố/mẹ ghi mã 4; Khác ghi mã 5.

Cột 7: Nam ghi mã 1; Nữ ghi mã 2.

Cột 10: Đang đi học ghi mã 1; Không đi học ghi mã 2.

Cột 11: Mầm non, mẫu giáo ghi mã 1; Tiểu học ghi mã 2; Trung học cơ sở ghi mã 3; Trung học phổ thông ghi mã 4; Khóa đào tạo ngắn hạn ghi mã 5; Trung cấp ghi mã 6; Cao đẳng ghi mã 7; Từ Đại học trở lên ghi mã 8.

Cột 12: Chưa tốt nghiệp Tiểu học ghi mã 1; Tiểu học ghi mã 2; Trung học cơ sở ghi mã 3; Trung học phổ thông ghi mã 4

Cột 13: Chưa qua đào tạo nghề ghi mã 1; Sơ cấp, chứng chỉ dạy nghề ghi mã 2; Trung

cấp ghi mã 3; Cao đẳng ghi mã 4; Đại học ghi mã 5; Sau đại học ghi mã 6.

Cột 14: Có ghi mã 1; Không ghi mã 2.

Cột 15: Các dịch vụ số cơ bản gồm: dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thẻ ngân hàng.

Cột 16: Người cao tuổi ghi mã 1; Người khuyết tật ghi mã 2; Trẻ em mồ côi ghi mã 3.

Cột 17: Đang làm việc ghi mã 1; Không có việc làm ghi mã 2; Không có khả năng lao động ghi mã 3; Đang đi học ghi mã 4; Không muốn đi làm ghi mã 5; Nghỉ hưu/Nội trợ ghi mã 6.

Cột 18: Công chức, viên chức ghi mã 1; Làm cho doanh nghiệp ghi mã 2; Làm thuê cho hộ gia đình ghi mã 3; Khác ghi mã 4.

Cột 19: Có hợp đồng lao động ghi mã 1; Không có hợp đồng lao động ghi mã 2; Không làm công ăn lương ghi mã 3.

Cột 20: Đang hưởng lương hưu ghi mã 1; Đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ghi mã 2; Đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hằng tháng ghi mã 3.

Cột 21: Có ghi mã 1; Không ghi mã 2.

II. THÔNG TIN VỀ NGUYÊN NHÂN KHÓ KHĂN VÀ TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA HỘ GIA ĐÌNH

Nguyên nhân hộ còn khó khăn (có đánh dấu X)		Các chính sách hỗ trợ (có đánh dấu X)	Đang hưởng	Nhu cầu
1. Không có đất sản xuất		1. Hỗ trợ y tế		
2. Không có vốn		2. Hỗ trợ giáo dục		
3. Không có lao động		3. Hỗ trợ học nghề		
4. Không có công cụ/ phương tiện sản xuất		4. Hỗ trợ việc làm		
5. Không biết làm ăn		5. Hỗ trợ nhà ở		
6. Không có kỹ năng lao động, sản xuất		6. Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường		
7. Có người ốm đau, bệnh nặng		7. Hỗ trợ đất sản xuất		
8. Khác, ghi rõ		8. Hỗ trợ vay vốn tín dụng		
		9. Hỗ trợ sản xuất, sinh kế		
		10. Hỗ trợ tiếp cận thông tin		
		11. Hỗ trợ pháp lý		

		12. Hỗ trợ tiền điện		
		13. Khác, ghi rõ.....		